

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2024/QĐST- KDTM

Đồng Hới, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2024/TLST – KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bru điện Liên V; địa chỉ: LPB Tower, số 210 Trần Quang K, phường Tràng T, quận Hoàn K, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình. Người được ủy quyền lại: Ông Trần Duy H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ;

Địa chỉ cần báo: Số 06A đường Trần Hưng Đ, phường Đồng P, TP. Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

- Các Bị đơn:

1. Ông Cao Ngọc T; sinh năm: 1978

Nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cần báo: Tổ dân phố 02 Phú V, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Thu P; sinh năm: 1979. Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 02 Phú V, phường Bắc N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ cần báo: Khoa dinh dưỡng – Bệnh viện Việt Nam Cub Đông H – Phường Nam L, thành phố Đông H, tỉnh Quảng Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tiền gốc và lãi:

Các bên đương sự thống nhất thoả thuận: Tính đến ngày 04 tháng 6 năm 2024, tổng dư nợ gốc và lãi phải trả của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P còn nợ và phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V là: 1.772.541.498 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*). Trong đó:

+ Tổng dư nợ gốc và lãi phải trả theo Hợp đồng tín dụng số HDTD4502022101 tính đến ngày 04/6/2024 mà ông T và bà P còn nợ và phải trả cho Ngân hàng là: 1.758.962.168 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 1.489.999.916 đồng; Nợ Lãi trong hạn: 43.807.109 đồng; Nợ Lãi quá hạn: 221.839.568 đồng; Lãi chậm trả lãi: 3.315.575 đồng.

+ Tổng dư nợ gốc và lãi phải trả theo Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tính đến ngày 04/6/2024 mà ông T và bà P còn nợ và phải trả cho Ngân hàng là: 13.579.330 đồng.

- Các bên đã thống nhất phương án và thời gian ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V, cụ thể như sau:

Chậm nhất đến hết ngày 01 tháng 9 năm 2024 thì ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V hết một lần và thanh toán toàn bộ tổng số tiền: 1.772.541.498 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*).

Ngoài ra, các bên đương sự thống nhất thoả thuận ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn được thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết toàn bộ dư nợ kể từ ngày 05/6/2024 cho đến ngày thực tế ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên V.

- Về xử lý tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay đến hạn trả nợ gốc, trả nợ lãi mà ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng:

Trường hợp đến hết ngày 01 tháng 9 năm 2024 ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P vi phạm không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì ông T và bà P đồng ý để Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo khoản vay là: Thửa đất số: 70, tờ bản đồ số 3; Địa chỉ thửa đất tại: Thôn Dinh M, xã Gia N, huyện Quảng N, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số phát hành DĐ275980, số vào sổ cấp GCN: CS 03036, do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 29/4/2022; Thửa đất mang tên: Ông Cao Ngọc T – Bà Nguyễn Thị Thu P.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Áp dụng khoản 3, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận ông Cao Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 32.588.122 đồng, làm tròn thành 32.588.000 đồng (*Bằng chữ: ba mươi hai triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn*).

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên V số tiền tạm ứng án phí là: 31.483.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi một triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0001201 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADSTP Đồng Hới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa

